

CÔNG TY CỔ PHẦN TRT
TRT JOINT STOCK
COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 06/2018/CBTT-TRT
No: 06/2018/CBTT-TRT

TP.Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2018
Ho Chi Minh City, day 06 month 02 year 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: The State Securities Commission

Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần TRT

- Mã chứng khoán/*Stock code*: ILA

- Địa chỉ/*Address*: Lầu M tòa nhà Đinh Lễ, số 1 Đinh Lễ, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 02822535959

Fax:

- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*: Công bố thông tin:

- Báo cáo tài chính riêng năm 2017 của Công ty Cổ phần TRT.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 06/02/2018 tại đường dẫn <http://www.trtgroup.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/> /*This information was published on the company's website on 06/02/2018, as in the link http://www.trtgroup.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/*:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám đốc

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- BCTC riêng năm 2017.



Nguyễn Hùng Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN TRT

*Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017
đã được kiểm toán*

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)



MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán riêng	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TRT (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần TRT là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0312933227 ngày 18 tháng 09 năm 2014; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 1 ngày 28 tháng 11 năm 2016; thay đổi lần thứ 2 ngày 05 tháng 12 năm 2016; thay đổi lần thứ 3 ngày 05 tháng 04 năm 2017; thay đổi lần thứ 4 ngày 24 tháng 04 năm 2017 và thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 07 năm 2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2017: **100.000.000.000 VND**

Địa chỉ: Lầu M, Tòa nhà Đinh Lễ, Số 01 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ, bất động sản, thi công xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Trồng cây hồ tiêu, cây sao su, cây cà phê, cây chè, trồng cây lâu năm khác, trồng rừng và chăm sóc rừng, khai thác gỗ, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác, sản xuất đồ gỗ xây dựng; sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; in ấn, dịch vụ liên quan đến in; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; bán buôn chuyên doanh khác chưa được đưa vào đâu; bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự; dịch vụ phục vụ đồ uống; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; thoát nước, xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; độc hại; tái chế phế liệu; xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; lắp đặt hệ thống điện; hoàn thiện công trình xây dựng; đại lý, môi giới, đấu giá; buôn bán nông lâm sản nguyên liệu; vận tải hành khách đường bộ; dịch vụ đóng gói, dịch vụ hỗ trợ giáo dục; kinh doanh bất động sản; quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu; chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản; đấu giá quyền sử dụng đất; hoạt động tư vấn quản lý; hoạt động thiết kế chuyên dụng; đại lý du lịch, điều hành tua du lịch.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên Công ty	Vốn điều lệ đã góp của Công ty con và Công ty liên kết	Giá trị vốn góp của Công ty (Theo mệnh giá)	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con: 02 Công ty con			
+ Công ty TNHH Tín Thành Đạt	41.000.000.000	24.600.000.000	60%
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư 579	30.000.000.000	20.400.000.000	68%
Công ty liên kết: 02 Công ty			
+ Công ty CP Công nghệ và Xây dựng Quang Minh	40.000.000.000	16.000.000.000	40%
+ Công ty CP BDLAND	20.000.000.000	8.000.000.000	40%

Thông tin về ngày sở hữu Công ty con và Công ty liên kết

- Công ty Cổ Phần TRT đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Tín Thành Đạt. Kể từ ngày 23/02/2017 Công ty TNHH Tín Thành Đạt chính thức trở thành Công ty con của Công ty.

- Công ty Cổ Phần TRT đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần 579. Kể từ ngày 24/05/2017 Công ty cổ phần 579 chính thức trở thành Công ty con của Công ty

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Công ty Cổ Phần TRT đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Công nghệ và Xây dựng Quang Minh. Kể từ ngày 07/12/2017 Công ty Cổ phần Công nghệ và Xây dựng Quang Minh trở thành Công ty liên kết của Công ty
- Công ty Cổ Phần TRT đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần BDLAND. Kể từ ngày 27/12/2017 Công ty Cổ phần BDLAND trở thành Công ty liên kết của Công ty

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2017 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

		<i>Bổ nhiệm</i>	<i>Miễn nhiệm</i>
Ông: Nguyễn Hùng Cường	Chủ tịch	21/04/2017	
Bà: Nguyễn Công Triều Tiên	Chủ tịch		21/04/2017
Bà: Trương Nhị Hà	Thành viên	16/06/2017	
Ông: Đoàn Đức Qùy	Thành viên		16/06/2017
Ông: Đỗ Mạnh	Thành viên	16/06/2017	
Ông: Đặng Xuân Hữu	Thành viên	16/06/2017	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông: Nguyễn Hùng Cường	Tổng Giám đốc
------------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

		<i>Bổ nhiệm</i>	<i>Miễn nhiệm</i>
Ông: Trần Xuân Huy	Trưởng ban		
Ông: Trần Văn Khánh	Thành viên		
Ông: Bùi Bảo Khánh Duy	Thành viên		

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Nguyễn Hùng Cường

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Văn Chệch	<i>Bổ nhiệm</i>	<i>Miễn nhiệm</i>
Bà: Nguyễn Thị Quỳnh Anh	05/09/2017	05/09/2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2017 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TRT phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty .

TP.HCM, ngày 08 tháng 01 năm 2018

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



NGUYỄN HÙNG CƯỜNG



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty Cổ phần TRT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần TRT, được lập ngày 08 tháng 01 năm 2018 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TRT chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng; và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2018

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng giám đốc**



Đỗ Khắc Thanh

Kiểm toán viên

Lê Văn Tuấn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		49.178.042.220	55.753.439.007
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	1.948.914.188	1.067.260.595
111	1. Tiền		1.948.914.188	1.067.260.595
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn			
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		44.086.063.607	50.716.568.918
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	10.444.156.106	50.716.568.918
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		32.046.568.960	
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	1.595.338.541	
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	V.05	2.997.697.920	3.920.613.994
141	1. Hàng tồn kho		2.997.697.920	3.920.613.994
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		145.366.505	48.995.500
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.07	92.276.411	
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		53.090.094	48.995.500
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		78.646.601.697	
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		207.000.000	
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.04	207.000.000	
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		1.441.401.293	
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.06	1.441.401.293	
222	- Nguyên giá		1.571.941.818	
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(130.540.525)	
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình			
228	- Nguyên giá			
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
230	III. Bất động sản đầu tư			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn			
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	76.998.200.404	
251	1. Đầu tư vào công ty con		45.000.000.000	
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		32.000.000.000	
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(1.799.596)	
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	V. Tài sản dài hạn khác			
261	1. Chi phí trả trước dài hạn			
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		127.824.643.917	55.753.439.007

05011729
CÔNG TY
 CÔNG NIỆM HỮU
 CÔNG VỤ TƯ VẤN
 CHÍNH KẾ TOÁN
 VÀ KIỂM TOÁN
 PHÍA NAM
 TP. HỒ CHÍ MINH
 312933
CÔNG TY
CÓ PHẦN
TR
 TP. HỒ CHÍ MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
300	C . NỢ PHẢI TRẢ		7.796.238.254	11.888.598.731
310	I. Nợ ngắn hạn		7.796.238.254	11.888.598.731
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.08	2.809.098.877	8.383.535.269
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		607.269.784	2.493.677.143
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.09	4.258.605.510	1.011.386.319
314	4. Phải trả người lao động		121.264.083	
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn			
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác			
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn			
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn			
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.10	120.028.405.663	43.864.840.276
410	I. Vốn chủ sở hữu		120.028.405.663	43.864.840.276
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	40.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.000.000.000	40.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển			
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20.028.405.663	3.864.840.276
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		3.864.840.276	108.459.000
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		16.163.565.387	3.756.381.276
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		127.824.643.917	55.753.439.007

TP.HCM, ngày 08 tháng 01 năm 2018

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN CHÊCH

Tổng Giám đốc



NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	108.439.360.378	64.193.148.041
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		108.439.360.378	64.193.148.041
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.02	89.363.179.919	58.734.660.498
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.076.180.459	5.458.487.543
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	5.144.266.391	109
22	7. Chi phí tài chính	VI.04	1.799.596	
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			
24	8. Chi phí bán hàng	VI.05	353.100.000	489.000.000
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.05	3.685.435.118	274.011.057
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		20.180.112.136	4.695.476.595
31	11. Thu nhập khác	VI.06	28.000.008	
32	12. Chi phí khác	VI.07	3.655.410	
40	13. Lợi nhuận khác		24.344.598	
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.204.456.734	4.695.476.595
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.09	4.040.891.347	939.095.319
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		16.163.565.387	3.756.381.276

TP.HCM, ngày 08 tháng 01 năm 2018

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN CHÊCH

Tổng Giám đốc



NGUYỄN HÙNG CƯỜNG



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		156.528.564.119	18.400.000.109
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(137.759.651.263)	(49.374.214.947)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.215.096.541)	(734.100.000)
04	4. Tiền lãi vay đã trả			
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(939.095.319)	
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.855.816.261	27.249.772.980
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.607.571.873)	(13.630.047.547)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.862.965.384	(18.088.589.405)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.125.578.182)	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(18.000.000.000)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị		18.000.000.000	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(123.000.000.000)	
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		46.000.000.000	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.144.266.391	
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(72.981.311.791)	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở		60.000.000.000	19.000.000.000
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		60.000.000.000	19.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		881.653.593	911.410.595
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.067.260.595	155.850.000
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		1.948.914.188	1.067.260.595

TP.HCM, ngày 08 tháng 01 năm 2018

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN CHÊCH

Tổng Giám đốc



NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần TR1 là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0312933227 ngày 18 tháng 09 năm 2014; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 1 ngày 28 tháng 11 năm 2016; thay đổi lần thứ 2 ngày 05 tháng 12 năm 2016; thay đổi lần thứ 3 ngày 05 tháng 04 năm 2017; thay đổi lần thứ 4 ngày 24 tháng 04 năm 2017 và thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 07 năm 2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2017:

100.000.000.000 VND

Địa chỉ: Lầu M, Tòa nhà Đinh Lễ, Số 01 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ, bất động sản, thi công xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Trồng cây hồ tiêu, cây sao su, cây cà phê, cây chè, trồng cây lâu năm khác, trồng rừng và chăm sóc rừng, khai thác gỗ, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác, sản xuất đồ gỗ xây dựng; sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; in ấn, dịch vụ liên quan đến in; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; bán buôn chuyên doanh khác chưa được đưa vào đâu; bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự; dịch vụ phục vụ đồ uống; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; thoát nước, xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; độc hại; tái chế phế liệu; xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; lắp đặt hệ thống điện; hoàn thiện công trình xây dựng; đại lý, môi giới, đấu giá; buôn bán nông lâm sản nguyên liệu; vận tải hành khách đường bộ; dịch vụ đóng gói, dịch vụ hỗ trợ giáo dục; kinh doanh bất động sản; quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu; chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản; đấu giá quyền sử dụng đất; hoạt động tư vấn quản lý; hoạt động thiết kế chuyên dụng; đại lý du lịch, điều hành tua du lịch.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng: Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con bao gồm: 02 Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
+ Công ty TNHH Tín Thành Đạt	570 Phạm Văn Đồng, P.Đông Đa, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	60%	60%
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư 579	Phòng 607, tầng 6 tòa nhà Vinahud, đường Trung Yên 9, KĐT Trung Yên, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, TP. Hà Nội	68%	68%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

+ Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phát sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuế tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

5011729-C
CÔNG TY
CHÍNH KẾ T
PHÍA NAM
- T. PHỐ

3129332
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TP. HỒ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	31/12/2016
Tiền mặt	34.809.485	65.450.000
Tiền gửi không kỳ hạn	1.914.104.703	1.001.810.595
Tiền đang chuyển		
Cộng	1.948.914.188	1.067.260.595



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Đầu tư tài chính dài hạn (*)

	31/12/2017	31/12/2016
	Giá gốc	Giá gốc
Đầu tư vào công ty con	45.000.000.000	Giá hợp lý
+ Công ty TNHH Tín Thành Đạt	24.600.000.000	Giá hợp lý
+ Công ty cổ phần 579	20.400.000.000	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	32.000.000.000	Giá gốc
+ Công ty CP Công nghệ và Xây dựng Quang Minh	16.000.000.000	
+ Công ty CP BDLAND	16.000.000.000	
Cộng	77.000.000.000	(1.799.596)
Ghi chú: (*)		

Trong năm Công ty tăng vốn từ việc phát hành 6.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị Quyết số 01/2017/NQ-ĐHCD của Đại hội đồng cổ đông bất thường 10/03/2017. Mục đích phát hành: Đầu tư vào các công ty khác theo hình thức nhận chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp của các cổ đông/chủ sở hữu hiện hữu và đầu tư hợp tác liên doanh. Theo đó:

- Công ty Cổ Phần TRT đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Tín Thành Đạt. Kể từ ngày 23/02/2017 Công ty TNHH Tín Thành Đạt chính thức trở thành Công ty con của Công ty.
- Công ty Cổ Phần TRT đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần 579. Kể từ ngày 24/05/2017 Công ty cổ phần 579 chính thức trở thành Công ty con của Công ty Cổ Phần TRT đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Xử lý rác thải Bến Tre. Kể từ ngày 15/03/2017 Công ty cổ phần xử lý rác thải Bến Tre trở thành Công ty liên kết của Công ty. Sau đó, Công ty Cổ phần TRT đã hoàn tất thoái vốn theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐQT ngày 15/08/2017, theo đó kể từ ngày 05/09/2017, Công ty Cổ phần Xử lý rác thải Bến Tre không còn là Công ty liên kết của Công ty nữa.
- Công ty Cổ phần TRT thông báo việc thông qua việc chuyển nhượng cổ phần 2 công ty: Công ty Cổ phần Công nghệ và Xây dựng Quang Minh và Công ty Cổ phần BDLAND theo Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐQT ngày 05/12/2017, theo đó:
 - Công ty Cổ Phần TRT đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Công nghệ và Xây dựng Quang Minh. Kể từ ngày 07/12/2017 Công ty Cổ phần Công nghệ và Xây dựng Quang Minh trở thành Công ty liên kết của Công ty.
 - Công ty Cổ Phần TRT đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần BDLAND. Kể từ ngày 27/12/2017 Công ty Cổ phần BDLAND trở thành Công ty liên kết của Công ty.

Do các Công ty trên chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các Công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Tóm tắt hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm:**- Công ty con**

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
+ Công ty TNHH Tín Thành Đạt	60%	60%	3.849.479.911	4.236.649.156
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư 579	68%	68%	910.853.121	1.515.751.929

- Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
+ Công ty CP Công nghệ và Xây dựng Quang Minh	40%	358.662.448	370.190.938,0
+ Công ty CP BDLAND	40%	244.678.997	(4.498.990)

Các giao dịch chủ yếu giữa doanh nghiệp với công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm:

Xem chi tiết thuyết minh VIII.03

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG**a) Ngắn hạn**

	31/12/2017	31/12/2016
10.444.156.106	50.716.568.918	
+ Công ty TNHH MTV Tín Thành Đạt	2.008.702.500	39.895.710.700
+ Công ty TNHH Cơ Khí Chế tạo máy Công Minh		1.372.493.510
+ Công ty TNHH TM SX Thiết Kế Vinh Cơ		3.696.325.033
+ Công ty TNHH An Phú Vinh		5.752.039.675
+ Công ty CP Công nghệ và Xây dựng Quang Minh	3.579.276.127	
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Hợp Phú	4.856.177.479	

b) Dài hạn**Cộng****10.444.156.106** **50.716.568.918****c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

Đối tượng	Mối quan hệ	31/12/2017	31/12/2016
+ Công ty TNHH MTV Tín Thành Đạt	Công ty con	2.008.702.500	39.895.710.700
+ Công ty CP Công nghệ và Xây dựng Quang Minh	Công ty liên kết	3.579.276.127	

04 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.595.338.541			
+ Công ty TNHH Tín Thành Đạt	1.595.338.541			
b) Dài hạn	207.000.000			
Ký cược, ký quỹ	207.000.000			
Cộng	1.802.338.541			

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	31/12/2017	31/12/2016
+ Công ty TNHH MTV Tín Thành Đạt	Công ty con	1.595.338.541	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

05 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	2.997.697.920		3.920.613.994	
Cộng	2.997.697.920		3.920.613.994	

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

06. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm			1.071.941.818			1.571.941.818
2. Số tăng trong năm	500.000.000		1.071.941.818			1.071.941.818
- Mua trong năm						500.000.000
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	500.000.000					
- Tăng khác						
3. Số giảm trong năm						
- Chuyển sang BDS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	500.000.000		1.071.941.818			1.571.941.818
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm						
2. Khấu hao trong năm	58.333.331		72.207.194			130.540.525
- Khấu hao trong năm	58.333.331		72.207.194			
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
4. Số dư cuối năm	58.333.331		72.207.194			130.540.525
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm						
2. Tại ngày cuối năm	441.666.669		999.734.624			1.441.401.293

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

07 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Ngắn hạn**

Công cụ, dụng cụ xuất dùng

b) Dài hạn**Cộng**

	31/12/2017	31/12/2016
	92.276.411	31/12/2016
	92.276.411	
	92.276.411	

08 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**a) Ngắn hạn**

+ Công ty TNHH Dây cáp điện Bình Minh

+ Bùi Văn Tài

+ Công ty CP Thương mại và Xây dựng D&T Việt Nam

+ Công ty TNHH Việt Hiên

+ Nguyễn Thị Ngọc Ánh

+ Nguyễn Thị Thu Hà

+ Công ty TNHH TM & ĐT Sen Phương Đông

+ Công ty CP Cơ điện lạnh Hoàng Bách

b) Dài hạn

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	2.809.098.877	2.809.098.877	8.383.535.269	8.383.535.269
	51.295.856	51.295.856	818.100.000	818.100.000
	217.912.721	217.912.721	2.086.281.010	2.086.281.010
	2.400.695.000	2.400.695.000	989.764.650	989.764.650
			4.489.389.609	4.489.389.609
	139.195.300	139.195.300		
	2.809.098.877	2.809.098.877	8.383.535.269	8.383.535.269

Cộng

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Không phát sinh

09 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**a) Phải nộp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoạt động SXKD chính

Thuế GTGT

Thuế thu nhập cá nhân

Thuế tài nguyên

Cộng

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	969.686.319	4.040.891.347	969.686.319	4.040.891.347
	41.700.000	1.418.558.652	1.209.779.947	208.778.705
		62.530.458	95.295.000	8.935.458
	1.011.386.319	5.521.980.457	2.274.761.266	4.258.605.510

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU**1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	21.000.000.000				108.459.000	21.108.459.000
Tăng vốn trong năm trước	19.000.000.000					19.000.000.000
Lãi trong năm trước						
Tăng do trích lập từ lợi nhuận					3.756.381.276	3.756.381.276
Trích quỹ từ lợi nhuận						
Lỗ trong năm trước						
Chia cổ tức						
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác						
Số dư đầu năm nay	40.000.000.000				3.864.840.276	43.864.840.276
Tăng vốn trong năm nay	60.000.000.000					60.000.000.000
Lãi trong năm nay						
Tăng khác					16.163.565.387	16.163.565.387
Trích quỹ từ lợi nhuận						
Chia cổ tức						
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác						
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000				20.028.405.663	120.028.405.663



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

10 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2017	%	31/12/2016	%
Vốn góp của công ty mẹ				
Vốn góp của các đối tượng khác	100.000.000.000	100%	40.000.000.000	100%
Cộng	100.000.000.000	100%	40.000.000.000	100%

10 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu kỳ	40.000.000.000	21.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	60.000.000.000	19.000.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	100.000.000.000	40.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

10 . 4. Cổ phiếu

	31/12/2017	31/12/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017	Năm 2016
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	108.439.360.378	64.193.148.041
Cộng	108.439.360.378	64.193.148.041

b) Doanh thu đối với các bên liên quan:

Đối tượng	Mối quan hệ	Năm 2017
+ Công ty TNHH Tín Thành Đạt	Công ty con	1.828.702.500
+ Công ty CP Công nghệ và Xây dựng Quang Minh	Công ty liên kết	3.579.276.127

02. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	89.363.179.919	58.734.660.498
Cộng	89.363.179.919	58.734.660.498

03. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	144.266.391	109
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.000.000.000	
Cộng	5.144.266.391	109

04. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.799.596	
Cộng	1.799.596	

05. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
05.1. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	345.600.000	489.000.000
Chi phí bằng tiền khác	7.500.000	
Cộng	353.100.000	489.000.000

05.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nhân viên	1.253.391.082	270.000.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	128.332.180	
Chi phí khấu hao	130.540.525	
Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.932.089.785	1.011.057
Các khoản chi phí QLDN khác	235.081.546	3.000.000
Cộng	3.685.435.118	274.011.057

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

06 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
Các khoản khác	28.000.008	
Cộng	28.000.008	

07 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
Các khoản khác	3.655.410	
Cộng	3.655.410	

08 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	89.363.179.919	
Chi phí công cụ dụng cụ	128.332.180	
Chi phí nhân công	1.598.991.082	759.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	130.540.525	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.932.089.785	1.011.057
Chi phí khác bằng tiền	235.081.546	3.000.000
Cộng	93.388.215.037	763.011.057

09 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	4.040.891.347	939.095.319
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.040.891.347	939.095.319

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- 01 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không phát sinh ...
- 02 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có
- 03 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ: Không phát sinh
- 04 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ: Không phát sinh

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

03 . Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017*

Đơn vị tính: VND

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	84.000.000	
Tiền lương	408.000.000	99.900.000

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
+ Công ty TNHH Tín Thành Đạt	Công ty con
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư 579	Công ty con
+ Công ty CP Công nghệ và Xây dựng Quang Minh	Công ty liên kết
+ Công ty CP BDLAND	Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị giao dịch (VND)</u>
+ Công ty TNHH Tín Thành Đạt	Thu công nợ tiền hàng cà phê bán từ năm 2016	39.895.710.700
+ Công ty TNHH Tín Thành Đạt	Chuyển tiền cho mượn kinh doanh	1.595.338.541
+ Công ty TNHH Tín Thành Đạt	Xuất bán café, máy móc thiết bị dây chuyền nhà máy	1.828.702.500
+ Công ty CP Công nghệ và Xây dựng Quang Minh	Xuất bán vật tư cơ điện	3.579.276.127

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

04. Thông tin bộ phận

a. Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2016	
	Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	108.439.360.378		64.193.148.041	64.193.148.041
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	108.439.360.378		64.193.148.041	64.193.148.041
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	19.076.180.459		5.458.487.543	5.458.487.543
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	(4.038.535.118)		(763.011.057)	(763.011.057)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.037.645.341		4.695.476.486	4.695.476.486
Doanh thu hoạt động tài chính	5.144.266.391			109
Chi phí tài chính				
Thu nhập khác	28.000.008			
Chi phí khác	(3.655.410)			
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(4.040.891.347)			
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.165.364.983			(939.095.319)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.125.578.182			3.756.381.276
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	130.540.525			



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

Chi tiêu	31/12/2017		31/12/2016			
	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	42.490.725.066		42.490.725.066	50.716.568.918		50.716.568.918
Tài sản không phân bổ			85.333.918.851			5.036.870.089
Tổng tài sản	42.490.725.066		127.824.643.917	50.716.568.918		55.753.439.007
Nợ phải trả bộ phận	3.416.368.661		3.416.368.661	10.877.212.412		10.877.212.412
Nợ phải trả không phân bổ			4.379.869.593			1.011.386.319
Tổng nợ phải trả	3.416.368.661		7.796.238.254	10.877.212.412		11.888.598.731

b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh

	Năm 2017			Tổng cộng
	Vật tư cơ điện	Nông nghiệp	Khác	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	76.864.277.878	31.475.082.500	100.000.000	108.439.360.378
Tài sản bộ phận				42.490.725.066
Tài sản không phân bổ				85.333.918.851

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.948.914.188		1.948.914.188	1.067.260.595
Phải thu khách hàng	10.444.156.106		10.444.156.106	50.716.568.918
Trả trước cho người bán	32.046.568.960		32.046.568.960	
			43.100	42.735
			43.100	42.735



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2016
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản phải thu khác	1.802.338.541		1.802.338.541	
Đầu tư tài chính ngắn hạn		(1.799.596)		
Đầu tư tài chính dài hạn	77.000.000.000		77.000.000.000	
Cộng	123.242.020.895	(1.799.596)	123.242.020.895	51.783.872.248
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	2.809.098.877	8.383.535.269	2.809.098.877	8.383.535.269
Người mua trả tiền trước	607.269.784	2.493.677.143	607.269.784	2.493.677.143
Vay và nợ				
Phải trả người lao động	121.264.083		121.264.083	
Các khoản phải trả khác				
Cộng	3.537.632.744		3.537.632.744	10.877.212.412

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, cho vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

06. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giám thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	2.809.098.877			2.809.098.877
Người mua trả tiền trước	607.269.784			607.269.784
Vay và nợ				
Các khoản phải trả phải nộp khác				
Cộng	3.416.368.661			3.416.368.661



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

TP.HCM, ngày 08 tháng 01 năm 2018

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH

NGUYỄN VĂN CHÊCH

NGUYỄN HÙNG TƯỜNG